TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-HĐQTCSVN	*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 259/NQ-HĐQTCSVN ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP.

Hội đồng quản trị Tập đoàn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP (*chi tiết Phụ lục sửa đổi, bổ sung và toàn văn Quy chế đính kèm*).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGĐ;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PCTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

PHỤ LỤC: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-HĐQTCSVN ngày / /2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)

Ghi chú:

- Gạch ngang ~~(Gạch ngang)~~: nội dung bỏ;
- In đậm, nghiêng ***(In đậm, nghiêng)***: nội dung điều chỉnh bổ sung.

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
1		Bổ sung cơ sở pháp lý: ***- Căn cứ Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;*** ***- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;*** ***- Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;*** ***- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;***	Cập nhật các quy định pháp luật mới ban hành

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
2	**Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị** **1.** Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại ; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác quy định tại ~~Điều lệ Tập đoàn~~.	**Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị** **1.** Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại ***Điều 7 Quy chế này và Điều 35 Điều lệ Tập đoàn*;** b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác ***theo*** quy định ***của pháp luật.***	**Điểm a:** Do Quy chế và Điều lệ Tập đoàn đã quy định cụ thể, nên căn cứ vào Quy chế và Điều lệ sẽ đảm bảo phù hợp. **Điểm c:** Do Điều lệ Tập đoàn đã quy định cụ thể, nên các trường hợp khác sẽ theo quy định của pháp luật để đảm bảo tính bao quát và không loại trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.
3	**2.** Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị; c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội; f) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân	**2.** Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị; c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội; f) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá	**Bổ sung Điểm h:** trường hợp khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo tính bao quát và không loại trừ pháp luật có các quy định khác.

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	khác; Báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.	nhân khác; Báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; ***h) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.***	
4	**Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** … **2.** Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ~~do luật pháp, Điều lệ Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:~~ ~~a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tập đoàn;~~ ~~b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;~~ ~~c) …~~	**Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** … **2.** Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ***theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Tập đoàn.***	Điều chỉnh Khoản 2 Điều 12 về quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Điều 36 Điều lệ Tập đoàn để đảm bảo việc dẫn chiếu đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn.
	... **4.** Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn, thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.	... **4.** Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn, thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. ***Trường***	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 153 Luật doanh nghiệp.

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
		hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.	
5	**Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị** ... **5.** Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản: ...	**Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị** ... **5.** Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua ***tại*** cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản: ...	Bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế và bảo đảm sự phù hợp với quá trình triển khai thực hiện hồ sơ, thủ tục trình HĐQT Tập đoàn.
	5.2. Những nội dung về kế hoạch, đầu tư, kinh doanh: a) Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn, Công ty mẹ - Tập đoàn để trình chủ sở hữu vốn; b) Xác định mục tiêu hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c) Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ Tập đoàn; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, phê duyệt quyết toán dự án đầu tư trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị và giới hạn theo quy định của pháp luật;	***b)*** Những nội dung về kế hoạch, đầu tư, kinh doanh: - Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn, Công ty mẹ - Tập đoàn để trình chủ sở hữu vốn; - Xác định mục tiêu hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ Tập đoàn; - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, phê duyệt quyết toán dự án đầu tư trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị và giới hạn theo quy	

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	f) Thông qua chủ trương liên kết đầu tư, giữa Tập đoàn hoặc đơn vị thành viên với các đơn vị khác; các giải pháp quan trọng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; g) Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm; h) Phê duyệt hoặc thỏa thuận ~~suất đầu tư~~ trồng mới và chăm sóc cao su KTCB ~~(kể cả điều chỉnh suất đầu tư).~~	định của pháp luật; - Thông qua chủ trương liên kết đầu tư, ***hợp tác đầu tư*** giữa Tập đoàn hoặc đơn vị thành viên với các đơn vị khác; các giải pháp quan trọng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; - Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm; - ***Quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư theo quy định của pháp luật;*** - Phê duyệt hoặc thỏa thuận ***chi phí đầu tư tối đa*** trồng mới, chăm sóc cao su KTCB; - ***Phê duyệt hoặc thỏa thuận kế hoạch năm của các đơn vị thành viên trên cơ sở kế hoạch chung của Tập đoàn;*** - ***Phê duyệt kế hoạch mua sắm thường xuyên hàng năm của Công ty mẹ - Tập đoàn.***	Bổ sung để phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68) và phù hợp với thực tế hiện nay
	5.3. Những nội dung về thanh lý vườn cây, bàn giao đất về địa phương: a) Chủ trương, kế hoạch thanh lý cao su hàng năm để tái canh - trồng lại của Tập đoàn; b) Chủ trương, quyết định thanh lý vườn cây cao su (KTCB, khai thác) do các nguyên nhân thiên tai (hạn hán, mưa, gió, bão, cháy); kém hiệu quả; ~~c) Thỏa thuận chủ trương bàn giao đất về địa phương theo quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt của địa~~	***c)*** Những nội dung về thanh lý vườn cây, bàn giao đất về địa phương: - Chủ trương, kế hoạch thanh lý cao su hàng năm để tái canh - trồng lại của Tập đoàn; - Chủ trương, quyết định thanh lý vườn cây cao su (KTCB, khai thác) do các nguyên nhân thiên tai (hạn hán, mưa, gió, bão, cháy); kém hiệu quả; - ***Thỏa thuận chủ trương thu hồi đất theo Thông báo/Quyết định của UBND cấp có thẩm quyền; chủ***	

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	~~phương.~~	***trương tự nguyện trả đất về địa phương; chủ trương bàn giao đất về địa phương theo quy định pháp luật;*** ***- Thỏa thuận chủ trương thanh lý cây cao su, thanh lý tài sản cố định theo quy định.***	
	5.4. Những nội dung về tái cơ cấu, sắp xếp quy mô các đơn vị: a) Chủ trương thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn, góp vốn vào các đơn vị thành viên, các công ty con, đơn vị khác, việc mua lại cổ phần; b) ~~Về việc~~ điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ tại Công ty mẹ Tập đoàn và đơn vị thành viên.	***đ)*** Những nội dung về tái cơ cấu, sắp xếp quy mô các đơn vị: - Chủ trương thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn, góp vốn vào các đơn vị thành viên, các công ty con, đơn vị khác, việc mua lại cổ phần; - ***Chủ trương*** điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ tại Công ty mẹ - Tập đoàn và đơn vị thành viên; ***- Chủ trương sắp xếp bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động tại các đơn vị thành viên do Tập đoàn tham gia góp vốn và giữ quyền chi phối.***	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế hiện nay
	5.5. Những nội dung về tài chính: a) Phê duyệt báo cáo tài chính các đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn theo quy định; b) Xem xét phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi; c) Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác khi kế hoạch xây dựng cơ bản chưa được phê duyệt; d) Việc vay nợ của Công ty mẹ Tập đoàn; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng	đ) Những nội dung về tài chính: - Phê duyệt báo cáo tài chính các đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn theo quy định; - Xem xét phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi; - Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác khi kế hoạch xây dựng cơ bản chưa được phê duyệt; - Việc vay nợ của Công ty mẹ Tập đoàn; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thông qua bồi thường của Tập đoàn, việc thực hiện thế	Bổ sung thêm các nội dung này để phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68).

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thông qua bồi thường của Tập đoàn, việc thực hiện thế chấp, bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên (trong những trường hợp đặc thù); e) Thông qua các nội dung về tài chính khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp như thoái vốn, cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên; f) Cơ chế sử dụng nguồn tài chính để đầu tư tài sản tại Công ty mẹ Tập đoàn; g) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.	chấp, bảo lãnh vay vốn đối với các đơn vị thành viên (trong những trường hợp đặc thù); - ***Phê duyệt kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát, bảo đảm vốn huy động, vốn cho vay được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và thu nợ, trả nợ đúng thời hạn đã thỏa thuận;*** - ***Quyết định mua, thuê mua, thuê tài chính tài sản; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo quy định của pháp luật;*** - Thông qua các nội dung về tài chính khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp như thoái vốn, cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên; - Cơ chế sử dụng nguồn tài chính để đầu tư tài sản tại Công ty mẹ - Tập đoàn; - Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.	
	… 5.6. Những nội dung về tổ chức: a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người khác của Tập đoàn;…	… ***e)*** Những nội dung về tổ chức: - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người ***quản lý*** khác của Tập đoàn;… … - ***Quyết định các Quy chế về lương, thưởng, thù lao của người lao động và người quản lý Tập đoàn theo quy định;*** - ***Quyết định thông qua con dấu chính thức, loại***	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật số 68) và Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và quy định tại Điều 36, Điều 80 Điều lệ Tập đoàn.

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
		dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tập đoàn.	
	5.7. Những nội dung mang tính chất chỉ đạo và các chủ trương khác: a) Chỉ đạo về việc sử dụng vốn đầu tư của các đơn vị thành viên Tập đoàn; b) Chủ trương chỉ đạo về việc tăng cường hiệu quả sử dụng đất và năng suất vườn cây và các nội dung khác theo thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị; c) Thông qua quy trình kỹ thuật chế biến, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; các quy trình sản xuất khác của Tập đoàn; d) Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp hằng năm đối với các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; e) Chủ trương bán, thanh lý tài sản chưa khấu hao hết, việc tổ chức lại hoặc phá sản công ty;	***g)*** Những nội dung mang tính chất chỉ đạo và các chủ trương khác: - Chỉ đạo về việc sử dụng vốn đầu tư của các đơn vị thành viên Tập đoàn; - Chủ trương chỉ đạo về việc tăng cường hiệu quả sử dụng đất và năng suất vườn cây và các nội dung khác theo thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị; - Thông qua quy trình kỹ thuật chế biến, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; các quy trình sản xuất khác của Tập đoàn; - Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của ***Người đại diện vốn của Tập đoàn***, Người quản lý doanh nghiệp tại các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; - Chủ trương bán, thanh lý tài sản chưa khấu hao hết, việc tổ chức lại hoặc phá sản công ty; - ***Chủ trương cạo tận thu đối với vườn cây cao su chưa hết chu kỳ khai thác kinh doanh;*** - ***Chủ trương nhượng bán quyền khai thác mủ trên vườn cây cạo tận thu tại các đơn vị thành viên.***	Bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế và bảo đảm sự phù hợp với quá trình triển khai thực hiện hồ sơ, thủ tục trình HĐQT Tập đoàn.
	~~**6.** Các quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách:~~	**6.** Những nội dung phát sinh thường xuyên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách quyết định theo các quy chế, quy trình,	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, bảo đảm sự phù hợp

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	~~6.1. Những nội dung công việc cụ thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách thực hiện;~~ ~~6.2.~~ Những nội dung phát sinh thường xuyên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách quyết định theo các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ Tập đoàn, bao gồm: a) Quyết định về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của các đơn vị thành viên; b) Quyết định hoặc thỏa thuận cho cán bộ (thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị) đi công tác hoặc tham quan du lịch nước ngoài; c) Quyết định hoặc thỏa thuận việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên; ~~d) Quyết định hoặc thỏa thuận kế hoạch năm của các đơn vị thành viên trên cơ sở kế hoạch chung của Tập đoàn;~~ ~~e) Quyết định hoặc thỏa thuận việc thanh lý cao su để bàn giao đất về địa phương, quyết định hoặc thỏa thuận chủ trương bàn giao đất về địa phương theo quy định của pháp luật trên cơ sở kế hoạch, chủ trương chung đã có nghị quyết của Hội đồng quản trị;~~ f) Quyết định về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Hội đồng quản trị đã phê duyệt;	quy định quản lý nội bộ Tập đoàn, bao gồm: - Quyết định về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của các đơn vị thành viên; - Quyết định hoặc thỏa thuận cho cán bộ (thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị) đi công tác hoặc tham quan du lịch nước ngoài; - Quyết định hoặc thỏa thuận việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên; - Quyết định về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Hội đồng quản trị đã phê duyệt; - Quyết định phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; - ***Thỏa thuận các nội dung theo quy định để người đại diện vốn Tập đoàn biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường tại đơn vị;*** - Quyết định thành lập các Hội đồng, các Ban chỉ đạo, các tổ chức thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị; - Quyết định hoặc văn bản huy động kinh phí quản lý, kinh phí khác cho Tập đoàn đối với các đơn vị thành viên; - Báo cáo gửi Chính phủ và các Cơ quan quản lý về tình hình sản xuất kinh doanh Tập đoàn hoặc công văn xin cơ chế, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị;	với quá trình thực hiện hồ sơ, thủ tục trình HĐQT Tập đoàn.

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	g) Quyết định phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; ~~h) Thỏa thuận các chỉ tiêu tài chính, nội dung khác để người đại diện vốn Tập đoàn biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tổng kết, tổ chức thực hiện,… trên cơ sở kế hoạch và chủ trương chung của Tập đoàn;~~ ~~i) Chủ trương về việc nhượng bán quyền khai thác mủ trên vườn cây cạo tận thu tại các đơn vị thành viên;~~ j) Quyết định thành lập các Hội đồng, các Ban chỉ đạo, các tổ chức thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị; k) Quyết định hoặc văn bản huy động kinh phí quản lý, kinh phí khác cho Tập đoàn đối với các đơn vị thành viên; ~~l) Phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động, kế hoạch kinh phí đào tạo từ quỹ tập trung của Tập đoàn, kế hoạch mua sắm của Công ty mẹ Tập đoàn và đơn vị thành viên thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;~~ m)Các quyết định hoặc văn bản thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trên cơ sở chủ trương chung của Tập đoàn; n) Báo cáo gửi Chính phủ và các Cơ quan quản lý về tình hình sản xuất kinh doanh Tập đoàn hoặc công văn xin cơ chế, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị; o) Chỉ đạo thực hiện các nội dung kết luận của các Cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo các hoạt động	- Chỉ đạo thực hiện các nội dung kết luận của các Cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo các hoạt động toàn Tập đoàn luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; - Ban hành văn bản thực hiện chính sách pháp luật, chỉ đạo quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị; - Văn bản chỉ đạo Ban điều hành, người quản lý khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; - Các Quyết định, chỉ đạo do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách ***ký*** ban hành phải được tổng hợp và báo cáo lại trong cuộc họp Hội đồng quản trị liền kề; các thành viên Hội đồng quản trị có quyền có ý kiến nếu nhận thấy là không phù hợp. ...	

STT	Quy chế hoạt động của HĐQT Tập đoàn	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung
	toàn Tập đoàn luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; p) Ban hành văn bản thực hiện chính sách pháp luật, chỉ đạo quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị; q) Văn bản chỉ đạo Ban điều hành, người quản lý khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; r) Các Quyết định, chỉ đạo do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách ban hành phải được tổng hợp và báo cáo lại trong cuộc họp Hội đồng quản trị liền kề; các thành viên Hội đồng quản trị có quyền có ý kiến nếu nhận thấy là không phù hợp.		

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
DỰ THẢO	*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025*

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số ……/NQ-ĐHĐCĐCSVN ngày ……/……/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (Tập đoàn), quy định nhiệm vụ, quyền hạn, phân công, phân cấp, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn (Điều lệ Tập đoàn) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về nghị quyết, quyết định và các văn bản của Hội đồng quản trị Tập đoàn.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ Tập đoàn và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tập đoàn, giám sát và chỉ đạo toàn bộ hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trên cơ sở thảo luận và thống nhất trong biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành quyết định phân công trách nhiệm đối với từng lĩnh vực của các thành viên Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một hoặc nhiều lĩnh vực và phải báo cáo trước Hội đồng

quản trị về kết quả công việc được phân công. Việc phân công trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Tập đoàn theo từng thời kỳ. Việc điều chỉnh phải có sự trao đổi, bàn bạc trước với các thành viên Hội đồng quản trị liên quan và nội dung sửa đổi phải được thông qua bằng nghị quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tập đoàn, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và của các đơn vị trong Tập đoàn.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị đã ban hành để kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tập đoàn;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tập đoàn, Công ty con, Công ty khác do Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tập đoàn với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn theo quy định của pháp luật;

f) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc thuộc lĩnh vực được phân công;

g) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong từng thời kỳ;

h) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ Tập đoàn;

k) Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy chế này, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên;

l) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Tập đoàn, Quy chế này và quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Tập đoàn cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tập đoàn quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn do Đại hội đồng cổ đông quyết định tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa 09 (chín) người. Số lượng, cơ cấu Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tập đoàn không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn có quy định khác.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tập đoàn;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 03 (ba) Công ty khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tập đoàn; của người quản lý Tập đoàn, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp Nhà nước;

f) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn; không phải là người đã từng làm việc cho Tập đoàn, công ty con của Tập đoàn ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tập đoàn, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tập đoàn, là người quản lý của Tập đoàn hoặc công ty con của Tập đoàn;

d) Không phải người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tập đoàn ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tập đoàn. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật Tập đoàn.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; có quyền thay mặt Hội đồng quản trị đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc Tập đoàn trái với nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

f) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Tập đoàn, kết quả quản lý điều hành của Tổng Giám đốc Tập đoàn;

g) Các quyền khác theo Điều lệ Tập đoàn, theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và quy định của Pháp luật có liên quan.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Tập đoàn cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn hoặc chấp thuận từ chức của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và Điều 35 Điều lệ Tập đoàn;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;

f) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Tập đoàn để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;

g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tập đoàn với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

h) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Tập đoàn;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng viên được quyền đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo Điều lệ Tập đoàn.

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tập đoàn quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tập đoàn. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tập đoàn. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành

viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tập đoàn.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tập đoàn phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Tập đoàn và các bên có liên quan của Tập đoàn;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn;

g) Tập đoàn phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tập đoàn của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tập đoàn phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là Cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 36 Điều lệ Tập đoàn.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo Điều 13 Quy chế này hoặc hình thức khác do Điều lệ Tập đoàn quy định, theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tập đoàn gây thiệt hại cho Tập đoàn, thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tập đoàn; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tập đoàn có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tập đoàn bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 13. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành đối với toàn Tập đoàn. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản của Hội đồng quản trị được đánh số, lưu trữ theo đúng quy định về quản lý hành chính hiện hành. Trong trường hợp ý kiến của Tổng Giám đốc khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông và cơ quan có thẩm quyền để xử lý; trong thời gian chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Giám đốc vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tập đoàn. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị bằng một trong hai cách: biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không thể tổ chức họp.

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%) có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt);

b) Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp;

c) Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Quy chế này phải được khẳng định lại các nội dung đã thông qua bằng các chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này;

d) Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

4. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

5. Các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị phải được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Những nội dung phải thông qua tại Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ Tập đoàn.

b) Những nội dung về kế hoạch, đầu tư, kinh doanh:

- Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn, Công ty mẹ - Tập đoàn để trình chủ sở hữu vốn;

- Xác định mục tiêu hoạt động của Tập đoàn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Giải quyết các khiếu nại của Tập đoàn đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tập đoàn để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ Tập đoàn;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, phê duyệt quyết toán dự án đầu tư trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- Thông qua chủ trương liên kết đầu tư, hợp tác đầu tư giữa Tập đoàn hoặc đơn vị thành viên với các đơn vị khác; các giải pháp quan trọng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;

- Quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Phê duyệt hoặc thỏa thuận chi phí đầu tư tối đa trồng mới, chăm sóc cao su KTCB;

- Phê duyệt hoặc thỏa thuận kế hoạch năm của các đơn vị thành viên trên cơ sở kế hoạch chung của Tập đoàn;

- Phê duyệt kế hoạch mua sắm thường xuyên hàng năm của Công ty mẹ - Tập đoàn.

c) Những nội dung về thanh lý vườn cây, bàn giao đất về địa phương:

- Chủ trương, kế hoạch thanh lý cao su hàng năm để tái canh - trồng lại của Tập đoàn;

- Chủ trương, quyết định thanh lý vườn cây cao su (KTCB, khai thác) do các nguyên nhân thiên tai (hạn hán, mưa, gió, bão, cháy); kém hiệu quả;

- Thỏa thuận chủ trương thu hồi đất theo Thông báo/Quyết định của UBND cấp có thẩm quyền; chủ trương tự nguyện trả đất về địa phương; chủ trương bàn giao đất về địa phương theo quy định pháp luật đất đai;

- Thỏa thuận chủ trương thanh lý cây cao su, thanh lý tài sản cố định theo quy định.

d) Những nội dung về tái cơ cấu, sắp xếp quy mô các đơn vị:

- Chủ trương thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn, góp vốn vào các đơn vị thành viên, các công ty con, đơn vị khác, việc mua lại cổ phần;

- Chủ trương điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ tại Công ty mẹ - Tập đoàn và đơn vị thành viên;

- Chủ trương sắp xếp bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động tại các đơn vị thành viên do Tập đoàn tham gia góp vốn và giữ quyền chi phối.

đ) Những nội dung về tài chính:

- Phê duyệt báo cáo tài chính các đơn vị thành viên 100% vốn Tập đoàn theo quy định;

- Xem xét phê duyệt chủ trương xử lý các khoản nợ tồn tại, các khoản nợ phải thu khó đòi;

- Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác khi kế hoạch xây dựng cơ bản chưa được phê duyệt;

- Việc vay nợ của Công ty mẹ Tập đoàn; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thông qua bồi thường của Tập đoàn, việc thực hiện thế chấp, bảo lãnh vay vốn đối với các

đơn vị thành viên (trong những trường hợp đặc thù);

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, bảo đảm vốn huy động, vốn cho vay được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và thu nợ, trả nợ đúng thời hạn đã thỏa thuận;

- Quyết định mua, thuê mua, thuê tài chính tài sản; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo quy định của pháp luật;

- Thông qua các nội dung về tài chính khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp như thoái vốn, cổ phần hóa tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên;

- Cơ chế sử dụng nguồn tài chính để đầu tư tài sản tại Công ty mẹ - Tập đoàn;

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.

e) Những nội dung về tổ chức:

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Tập đoàn;

- Thông qua để Tổng Giám đốc quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng các Ban, Chánh văn phòng, Trưởng các đơn vị phụ thuộc Tập đoàn;

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tập đoàn;

- Cử Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn và cử Người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác; quyết định mức lương, quyền lợi và nghĩa vụ của những người đó;

- Quyết định cơ cấu tổ chức Tập đoàn; Quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tập đoàn và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Văn bản quy định về công tác định biên lao động, xây dựng thang bảng lương và chi trả tiền lương đối với người quản lý và người lao động Việt Nam ở các công ty cao su tại Campuchia và Lào thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Tập đoàn (nếu có);

- Quyết định các Quy chế về lương, thưởng, thù lao của người lao động và người quản lý Tập đoàn theo quy định;

- Quyết định thông qua con dấu chính thức, loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tập đoàn.

g) Những nội dung mang tính chất chỉ đạo và các chủ trương khác:

- Chỉ đạo về việc sử dụng vốn đầu tư của các đơn vị thành viên Tập đoàn;

- Chủ trương chỉ đạo về việc tăng cường hiệu quả sử dụng đất và năng suất vườn cây và các nội dung khác theo thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

- Thông qua quy trình kỹ thuật chế biến, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; các quy trình sản xuất khác của Tập đoàn;

- Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Người đại diện vốn của Tập đoàn, Người quản lý doanh nghiệp tại các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

- Chủ trương bán, thanh lý tài sản chưa khấu hao hết, việc tổ chức lại hoặc phá sản công ty;

- Chủ trương cạo tận thu đối với vườn cây cao su chưa hết chu kỳ khai thác kinh doanh;

- Chủ trương nhượng bán quyền khai thác mủ trên vườn cây cạo tận thu tại các đơn vị thành viên.

h) Các quy chế, quy trình, quy định về quản trị nội bộ trong Tập đoàn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Những nội dung phát sinh thường xuyên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách quyết định theo các quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ Tập đoàn, bao gồm:

- Quyết định về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của các đơn vị thành viên;

- Quyết định hoặc thỏa thuận cho cán bộ (thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị) đi công tác hoặc tham quan du lịch nước ngoài;

- Quyết định hoặc thỏa thuận việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên;

- Quyết định về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Hội đồng quản trị đã phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

- Thỏa thuận các nội dung theo quy định để Người đại diện vốn Tập đoàn

biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường tại đơn vị;

- Quyết định thành lập các Hội đồng, các Ban chỉ đạo, các tổ chức thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị;

- Quyết định hoặc văn bản huy động kinh phí quản lý, kinh phí khác cho Tập đoàn đối với các đơn vị thành viên;

- Báo cáo gửi Chính phủ và các Cơ quan quản lý về tình hình sản xuất kinh doanh Tập đoàn hoặc công văn xin cơ chế, giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

- Chỉ đạo thực hiện các nội dung kết luận của các Cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo các hoạt động toàn Tập đoàn luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

- Ban hành văn bản thực hiện chính sách pháp luật, chỉ đạo quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị;

- Văn bản chỉ đạo Ban điều hành, người quản lý khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;

- Các Quyết định, chỉ đạo do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách ký ban hành phải được tổng hợp và báo cáo lại trong cuộc họp Hội đồng quản trị liền kề; các thành viên Hội đồng quản trị có quyền có ý kiến nếu nhận thấy là không phù hợp.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Tập đoàn và chủ sở hữu, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông

liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là (03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. (Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị). Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tập đoàn, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác phải được tổ chức trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi Quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tập đoàn hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a) Ban Kiểm soát;

b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

e) Các trường hợp khác do Điều lệ Tập đoàn quy định.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do điều lệ quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tập đoàn.

Tùy theo từng cuộc họp Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mở rộng thêm thành phần dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thay cho việc triệu tập họp thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay, qua email hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị.

- Mục đích lấy ý kiến.

- Vấn đề cần lấy ý kiến.

- Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Tập đoàn.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên Phiếu lấy ý kiến.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Thư ký Hội đồng quản trị đúng thời hạn ghi trên phiếu lấy ý kiến; nếu quá thời hạn mà không gửi lại phiếu lấy ý kiến được xem như biểu quyết tán thành. Trong trường hợp không thể kịp gửi lại, thành viên Hội đồng quản trị có thể cho ý kiến trước bằng Email hoặc tin nhắn gửi đến Thư ký Hội đồng quản trị.

6. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc 01 (một) Kiểm soát viên. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Tổng số phiếu gửi đi, tổng số phiếu thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến.

- Họ tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

7. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được Thư ký Hội đồng quản trị lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp sau:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản họp từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tập đoàn do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của Tập đoàn.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài, thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tập đoàn với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tập đoàn và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tập đoàn ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tập đoàn quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tập đoàn;

b) Báo cáo tài chính của Tập đoàn đã được kiểm toán độc lập;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tập đoàn của Tổng Giám đốc;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tập đoàn không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tập đoàn liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với Luật sư, Kế toán viên, Kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tập đoàn có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo tháng hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ chuyên trách thì được trả lương theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên, tiền lương cho thành viên chuyên trách theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và tiền lương thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tập đoàn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tập đoàn và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tập đoàn mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Tập đoàn không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tập đoàn thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn phải kê khai cho Tập đoàn về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tập đoàn trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tập đoàn đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tập đoàn.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phối hợp trong quan hệ công tác theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Tập đoàn.

2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các quy định nội bộ của Tập đoàn.

3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.

4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của Tập đoàn.

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Hội đồng quản trị bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị; điều hành hoạt động hàng ngày của Tập đoàn, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Tập đoàn, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Tập đoàn và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của Tập đoàn.

4. Tổng Giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn và các sự cố bất ngờ hoặc các quyết định trong trường hợp liên quan đến thời cơ và cơ hội kinh doanh trên cơ sở lợi ích của Tập đoàn. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Hội đồng quản trị, đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định này.

5. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

6. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc giải trình các quyết

định liên quan đến hoạt động điều hành nhưng không can thiệp trực tiếp vào các công tác điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và quyết định đối với các kiến nghị, đề nghị của Tổng Giám đốc trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

8. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tập đoàn thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị để đưa ra cuộc họp Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó cho phù hợp. Hội đồng quản trị phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp, Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

9. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Quý, Năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phương hướng thực hiện trong thời kỳ tới của Tập đoàn cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn, thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị đại diện tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được chủ tịch Hội đồng quản trị cử tham dự phiên họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc đột xuất cho Hội đồng quản trị.

11. Các đề án, chương trình do Hội đồng quản trị chủ trì xây dựng, Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp các nguồn lực và chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy nghiệp vụ thực hiện các công việc do Hội đồng quản trị chỉ đạo, phân công.

12. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

13. Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị Tập đoàn xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

14. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tập đoàn hoặc các sự việc xét thấy cần thiết

khác, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

15. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán và các tổ chức chính trị - xã hội trong Tập đoàn

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát kịp thời.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu, tham dự các cuộc họp và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

5. Hội đồng quản trị bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chấp hành và thực hiện tốt nghị quyết, chủ trương của Đảng ủy Tập đoàn về nhiệm vụ chính trị, công tác cán bộ; phối hợp với Công đoàn Cao su Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của Tập đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Hội đồng quản trị đảm bảo cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 27. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị Tập đoàn:

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn để hỗ trợ hoạt động quản trị Tập đoàn được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn không quá 05 (năm) năm. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tập đoàn được quy định tại khoản 6 Điều 37 Điều lệ Tập đoàn.

2. Ban quản trị và Tham mưu tổng hợp:

Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp do Hội đồng quản trị quyết định thành lập; trong đó Người phụ trách quản trị Tập đoàn làm Trưởng ban. Trưởng ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp thực hiện hoặc có thể phân công 01 (một) thành viên trong Ban thực hiện nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp được quy định tại quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thư ký Hội đồng quản trị:

Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị quy định như sau:

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thực hiện vai trò cầu nối giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, người quản lý khác, các cơ quan trong và ngoài Tập đoàn,...

b) Thông báo cho Văn phòng Tập đoàn chuẩn bị địa điểm, vật chất, trang thiết bị phục vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;

d) Ghi Biên bản phiên họp, tham gia kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;

e) Tiếp nhận, soạn thảo, trình ký và luân chuyển các văn bản liên quan của Hội đồng quản trị;

f) Chuyển giao các hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị cho bộ phận Văn thư Tập đoàn lưu trữ;

g) Lên lịch công tác hàng tuần của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị để bố trí phối hợp công tác với các bộ phận có liên quan;

h) Tham gia các chuyến công tác với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị nếu có yêu cầu;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Trưởng ban Quản trị

và Tham mưu Tổng hợp phân công.

4. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để chuyên môn hóa, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công ở thời điểm thích hợp.

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và một số tiểu ban khác nếu thấy cần thiết (như Tiểu ban đạo đức, Tiểu ban giải quyết xung đột, Tiểu ban quản lý rủi ro,...). Thời hạn hoạt động, tiêu chuẩn của các thành viên, chức năng cụ thể của từng Tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được quy định tại quyết định thành lập của Hội đồng quản trị.

Thành viên và thẩm quyền của các Tiểu ban được quy định cụ thể tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của các tiểu ban và thành viên của tiểu ban để xem xét việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đã đặt ra.

5. Ngoài bộ máy giúp việc tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Hội đồng quản trị có thể có các trợ lý, chuyên viên giúp việc, sử dụng bộ máy điều hành, bộ máy giúp việc Tập đoàn hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Đảm bảo các điều kiện làm việc khác của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, tiền lương và các lợi ích khác như quy định tại Điều 21 Quy chế này.

2. Bộ phận Văn thư thuộc Văn phòng Tập đoàn có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các công văn, tài liệu và văn bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, chuyển tiếp đến Ban điều hành, các Ban, bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và/hoặc các thành viên Hội đồng quản trị có liên quan để tham mưu, xử lý theo quy định.

3. Hội đồng quản trị có quyền làm việc, chất vấn, trao đổi trực tiếp và yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban nghiệp vụ Tập đoàn, các cán bộ có liên quan của Tập đoàn, người giữ chức danh chức vụ tại các công ty con do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo định. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Tập đoàn và của đơn vị theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản

trị để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Tập đoàn.

4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn về chỉ đạo, điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định hiện hành, các nghị quyết, quyết định, các cơ chế, quy chế của Hội đồng quản trị đều sao gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Tập đoàn.

5. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Tập đoàn để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý Tài chính của Tập đoàn.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP quyết định theo Điều lệ Tập đoàn và quy định của pháp luật.

2. Những quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác những nội dung cụ thể trong quy chế này thì sẽ được áp dụng và thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Tập đoàn, Ban Quản trị và Tham mưu Tổng hợp Tập đoàn.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP sau khi sửa đổi, bổ sung này gồm 07 Chương, 30 Điều, đã được Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2025 nhất trí thông qua ngày ...../..... /2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 17/6/2024 hết hiệu thi hành kể từ ngày Quy chế hoạt động của

Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban tổng Giám đốc, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH